

## *Quan niệm, điều kiện và một vài biến đổi trong hôn nhân của người Việt theo Công giáo ở Việt Nam hiện nay*

NGUYỄN THÀNH NAM<sup>(\*)</sup>

Công giáo là một trong những tôn giáo có số lượng tín đồ lớn nhất ở Việt Nam. Hiện nay Công giáo ở nước ta có trên 6 triệu tín đồ, chiếm một bộ phận dân cư không nhỏ. Người Việt theo Công giáo không chỉ mang những đặc trưng văn hoá chung của dân tộc mà còn có những đặc điểm văn hoá riêng của Công giáo một tôn giáo độc thần mang màu sắc văn hoá Phương Tây. Những khác biệt này thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau, có thể nhận thấy khá rõ qua quan hệ hôn nhân của tín đồ Công giáo. Nghiên cứu quan niệm và điều kiện kết hôn của người Công giáo cho thấy được sự khác biệt về văn hoá trong hôn nhân của hai nhóm người Việt Công giáo và không Công giáo, đồng thời qua đó tìm hiểu quá trình hội nhập văn hoá Công giáo với văn hoá dân tộc thông qua con đường hôn nhân và gia đình.

### **1. Quan niệm về hôn nhân của Công giáo**

Quan niệm về hôn nhân của Công giáo được Công đồng Vatican II xác định: Đấng Tạo hoá đã thiết lập và ban những định luật riêng cho đời sống chung này, được gây dựng do giao ước hôn nhân, nghĩa là sự ưng thuận cá nhân không thể

rút lại. Như thế, bởi một hành vi nhân linh, trong đó, hai vợ chồng tự hiến cho nhau và đón nhận nhau, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, phát sinh một định chế vững chắc có giá trị trước mặt xã hội nữa. Vì lợi ích của lứa đôi, của con cái và của xã hội, nên sợi dây liên kết thánh thiện này không lệ thuộc sở thích của con người. Chính Thiên Chúa là Đấng tái tạo hôn nhân, phú bẩm những lợi ích và mục tiêu khác nhau (MV48)<sup>(1)</sup>. Như vậy với người Công giáo, hôn nhân không chỉ là chuyện của hai người mà trước hết và trên hết là của Thiên Chúa. Thiên Chúa xác quyết tính thiện hảo của hôn nhân, hôn nhân trở thành dấu chỉ hiệu nghiệm của Chúa Kitô. Trong giáo huấn Chúa Giêsu xác lập lại tính bất khả phân li của sự kết hợp vợ chồng. Bởi vì: “Điều gì Thiên Chúa đã liên kết, con người không được phân li” (Mt 19, 6).

*Bộ giáo luật 1983*, thiên VII – Bí tích hôn phối, điều 1055 viết:

1. Do giao ước hôn phối, người nam và người nữ tạo nên với nhau một cuộc thông hiệp trọn cả cuộc sống. Tự bản tính, giao ước hôn phối hướng về thiện ích

\*. NCV, Viện Văn hoá.

1. *Công đồng Vatican II*. Từ sách Đại kết, 1993, tr. 273.

của đôi bạn và việc sinh sản cùng giáo dục con cái. Chúa Kitô đã nâng giao ước hôn phối giữa những người đã chịu phép rửa tội lên hàng Bí tích.

2. Bởi vậy, giữa những người đã chịu phép rửa tội, không thể có kế ước hôn phối hữu hiệu nếu đồng thời không phải là Bí tích<sup>(2)</sup>.

Quan niệm về hôn nhân này được áp dụng trong thực tế đời sống với 4 nội dung cơ bản:

a. *Đơn hôn.* Chỉ chấp nhận hôn nhân một vợ một chồng, mọi quan hệ nam nữ với người khác khi bên hôn phối còn sống (dù đã li thân) vẫn bị coi là phạm tội ngoại tình.

b. *Bất khả li dị.* Vì “buộc ngặt như vậy để bảo đảm hạnh phúc gia đình. Vì nếu được tự do li dị, rẫy bỏ nhau, thì vợ chồng không còn gì ràng buộc do đó vợ chồng dễ tan vỡ, con cái bơ vơ, không nơi nương tựa, không ai nuôi dưỡng và giáo dục. Nếu chúng không chết, thì cũng thành những phần tử bất mãn trong xã hội bụi đời, du đãng, trộm cướp. Như vậy, li dị là phá hoại hạnh phúc gia đình”<sup>(3)</sup>.

c. *Sinh con cái và giáo dục chúng nên người.* Con cái là kết quả của tình yêu vợ chồng, là hồng ân của Chúa ban. sinh sản con cái tức là cộng tác với Thiên Chúa, sáng tạo trong việc duy trì loài người. Phải giáo dục chúng nên người, là những thế hệ tiếp sau phụng thờ Thiên Chúa.

d. *Yêu thương và tương trợ lẫn nhau.* Phải yêu nhau vì như lời Chúa nói “Để người nam độc thân không tốt, hãy ban cho nó một người bạn để giúp đỡ nhau”<sup>(4)</sup>.

Như vậy ta có thể thấy rằng hôn nhân với người Công giáo là một việc đặc biệt hệ trọng, nó quyết định đến cuộc sống của cả phần đời còn lại sau kết hôn, họ không

còn cơ hội làm lại, nên nghi thức hôn phối của người Công giáo được tiến hành một cách thận trọng với nhiều nghi lễ phức tạp.

Công giáo đề cao hôn nhân một vợ một chồng. (Trước kia được gọi là phép nhất phu nhất phụ). Hôn phối được nâng lên thành Bí tích. Bí tích hôn phối là bí tích Chúa Giêsu đã lập, để ban ơn phối hợp chặt chẽ một vợ một chồng, nhằm sinh sản con cái, và giúp đỡ nhau phần hồn cũng như phần xác cho đến khi qua đời.

Trong hôn nhân của người Công giáo chỉ những người đồng đạo, khi kết hôn làm đầy đủ các thủ tục nghi lễ như giáo hội quy định mới được coi là những người chịu bí tích hôn phối. Bí tích hôn phối có ý nghĩa quan trọng với hai nội dung chính:

“Bí tích hôn nhân tạo thành một cộng đoàn thân mật cho đời sống tình yêu giữa một người nam với một người nữ. Giao ước này đã được Thiên Chúa thành lập và ban cho những quy luật riêng. Tự bản chất của nó, giao ước này hướng về lợi ích của hai người phối ngẫu cũng như về việc sinh sản và giáo dục con cái”<sup>(5)</sup>.

“Bí tích hôn nhân còn nói lên sự kết hợp giữa Chúa Kitô và Hội Thánh. Bí tích này ban cho hai vợ chồng được biết yêu nhau như Chúa Kitô đã yêu thương Hội Thánh. Như vậy ân sủng của bí tích sẽ kiện toàn tình yêu loài người của hai vợ chồng, củng cố tính đơn nhất, bất khả đoạn tiêu của họ và thánh hoá họ trên đường đi tới sự sống muôn đời”<sup>(6)</sup>.

2. Bộ Giáo luật 1983, bản tiếng Việt, sách do Giáo hội Công giáo Việt Nam phát hành.

3. Linh mục Trọng Thu. *Giáo lý hôn nhân, Sổ gia đình Công giáo*, tài liệu lưu hành nội bộ, tr. 2.

4. Linh mục Trọng Thu. Sđd., tr. 7.

5. Linh mục Anphong Nguyễn Công Vinh. *Tình yêu hôn nhân*, Nxb. Tôn giáo, 2001, tr. 97.

6. Linh mục Anphong Nguyễn Công Vinh. Sđd., tr. 97.

## 2. Điều kiện tiến hành hôn nhân Công giáo

Để thực hành được Bí tích hôn phối, những người Công giáo phải có một thời gian chuẩn bị kỹ lưỡng. Khi đôi nam nữ và hai bên gia đình nhất trí về quan hệ của đôi trẻ, họ đến trình linh mục chính xứ để linh mục sắp xếp việc học tập giáo lý hôn nhân. Việc học tập này do linh mục giảng dạy tập trung 6 tháng một khoá. Những người theo học phải trải qua một kì sát hạch khi kết thúc khoá học do linh mục đích thân kiểm tra. Nếu đạt yêu cầu sẽ được cấp chứng chỉ đã học giáo lý hôn nhân, có kí tên và đóng dấu của linh mục. Ngày nay hầu hết các nam nữ thanh niên Công giáo khi đến tuổi trưởng thành bắt đầu học giáo lý hôn nhân, lấy chứng chỉ sau này khi kết hôn họ không phải đi học lại nữa.

Những đôi nam nữ đã trình linh mục được 6 tháng trở lên, đã đạt yêu cầu trong kì thi sát hạch giáo lý hôn nhân, và vẫn đồng ý kết hôn với nhau thì phải thông báo cho linh mục để linh mục rao sự việc này sau thánh lễ tại nhà thờ xứ. Đây là một nghi lễ đơn giản nhằm mục đích thông báo cho toàn thể tín đồ trong xứ đạo biết mối quan hệ của hai người. Để giáo dân cùng linh mục tra xét xem giữa đôi trai gái này có mắc phải những ngăn trở tiêu hôn theo quy định của giáo hội hay không. Đối với những đôi nam nữ đã học giáo lý hôn nhân trước, khi trình linh mục cũng phải chờ đợi 6 tháng trở lên, đây là thời gian thử thách để hai người tìm hiểu kĩ càng về nhau, nếu không ưng thuận họ có thể chia tay mà không bị cộng đồng lên án.

Khi linh mục rao sự việc được khoảng một tuần nếu không ai phát hiện đôi trai gái có ngăn trở nào họ có thể được phép

tiến hành thánh lễ cưới. nếu phát hiện một trong những ngăn trở tiêu hôn thì đôi trai gái không được phép kết hôn. Nếu tín đồ Công giáo nào vi phạm những ngăn trở này dù vô tình hay hữu ý tuy đã kết hôn có linh mục làm phép vẫn không thành. Những ngăn trở tiêu hôn là:

- *Ngăn trở bởi sự thiếu tuổi.* Theo quy định của Giáo hội, trai phải đủ 16, gái đủ 14 tuổi mới được kết hôn. Vì việc lập gia đình đòi hỏi phải trưởng thành cả về thể xác và tinh thần, lúc đó họ mới hoàn toàn tự do quyết định hôn nhân của mình. Mặc dù vậy Hội thánh khuyến khích kết hôn theo độ tuổi quy định trong luật hôn nhân và gia đình nước sở tại.

- *Ngăn trở do bất lực.* Cấm tất cả những người không có khả năng giao hợp kết hôn vì: Chuyện chăn gối không phải là chủ chốt làm nên đời đôi bạn. Song đó vẫn là phương thế căn bản giúp thực hiện tình nghĩa vợ chồng và sinh sản con cái.

- *Ngăn trở do dây hôn nhân.* Khi hai người đã làm bí tích hôn phối, họ bị dây hôn nhân ràng buộc đến chừng nào người kia còn sống. Chỉ khi nào một bên hôn phối chết đi, bên kia mới được phép tái kết hôn.

- *Ngăn trở bởi sự khác đạo.* Giáo hội Công giáo cấm tín đồ Công giáo kết hôn với người ngoại đạo, vì lo cho tín đồ của mình chịu thiệt thòi và bị bên ngoại đạo gây khó khăn trong đời sống đạo, khó giữ đức tin. Con cái không được giáo dục theo tinh thần đạo Chúa. Ngăn trở này nếu có lí do chính đáng Giáo hội có thể miễn chuẩn bỏ qua.

- *Ngăn trở chức Thánh.* Những giáo sĩ có chức thánh như phụ phó tế, phó tế, linh mục, giám mục, khi kết hôn thì hôn phối không thành. Ngày nay giáo hội ban

phép chuẩn cho những người có chức thánh nhưng lâm vào tình trạng không thể sống độc thân được hoàn tục.

- *Ngăn trở lời khấn*. Những người đã gia nhập vào một dòng tu bằng lời khấn công khai giữ khiết tịnh trọn đời.

- *Ngăn trở tội ác*. Giết người phối ngẫu của mình hoặc của người kia để kết hôn hoặc khi hai người đồng trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên cái chết của người phối ngẫu để kết hôn.

- *Ngăn trở bởi sự cưỡng ép*. Mọi sự cưỡng ép về thể xác như đánh đập hành hung... cũng như cưỡng ép về tâm lí như đe dọa, không cho thừa kế... của bố mẹ họ hàng, hay những đối tượng khác, hôn nhân không thành.

- *Ngăn trở bởi sự cưỡng đoạt*. Người này dùng áp lực như đưa người kia đi xa, giam giữ người đó với mục đích kết hôn, hôn phối không thành.

- *Ngăn trở bởi họ hàng*. Ngăn trở này bao gồm:

+ *Huyết tộc*. Tính theo cả trực hệ và bàng hệ, không kể bên nội hay bên ngoại. Những người trong huyết tộc trực hệ dù bao nhiêu đời cũng không được lấy nhau. Những người trong huyết tộc bàng hệ trong vòng 3 đời không được phép lấy nhau.

+ *Thích tộc hay họ kết bạn*. Khi vợ hay chồng chết người đó không được kết hôn với những người thuộc trực hệ bên phối ngẫu ở mọi đời, và theo bàng hệ trong vòng hai đời.

+ *Linh tộc hay họ thiêng liêng*. Ràng buộc những người làm chứng và người chịu phép rửa tội và người đỡ đầu không được kết hôn với nhau.

+ *Pháp tộc*. Hình thành do sự lập con nuôi, con nuôi cũng được coi như con đẻ, như đã trình bày ở trên.

Ngày nay còn thêm ngăn trở giữa những người đồng tính. Giáo hội không cho phép hôn phối giữa những người đồng tính.

Qua thời gian 6 tháng mọi việc chuẩn bị đã hoàn thành, đôi nam nữ không vướng phải những ngăn trở nào họ có thể tiến hành làm thánh lễ cưới.

Trong xã hội phong kiến ở Việt Nam việc ép gả con cái còn thịnh hành, tục đa thê khá phổ biến, thì quy định về những ngăn trở trong hôn nhân của người Công giáo mang tính nhân bản rất rõ rệt. Nó loại trừ tình trạng lấy vợ lấy chồng quá sớm, những hành vi ngược đãi vợ con để lấy vợ khác, v.v... Những quy định ngăn trở trên hoà nhập với văn hoá Việt Nam, góp phần giữ gìn và bồi đắp phong hoá.

Tuy vậy, việc Giáo hội đặt ra ngăn trở dị giáo trong hôn nhân đã làm cho không ít đôi trai gái yêu nhau tha thiết, mà không thể thành đôi, những cuộc tình trong sáng nhưng dang dở.

Trong thực tế cuộc sống nhiều người đã xin gia nhập công giáo trước mặt thiên chúa và Giáo hội để được kết hôn với tín đồ Công giáo, nhưng thực sự họ không có niềm tin. Khi đã cưới được vợ thì họ bỏ bê lễ lạy, thậm chí có trường hợp bắt vợ con bỏ đạo.

Đạo Công giáo truyền bá vào Việt Nam khi truyền thống văn hoá dân tộc đã hình thành và phát triển qua hàng nghìn năm lịch sử. Để tồn tại và phát triển, Công giáo buộc phải hoà nhập với truyền thống văn hoá dân tộc.

Trong việc thực hiện bí tích hôn phối, ngoài thánh lễ tổ chức ở nhà thờ theo

nghi lễ Rôma, người Công giáo Việt Nam còn thực hành một số nghi tục truyền thống và những cấm kỵ. Các hương ước của làng Công giáo vùng Đồng bằng Bắc Bộ lập trước Cách mạng tháng Tám 1945 đều dành một số điều khoản nói về vấn đề này, như cấm chằng dây đòi tiền mãi lộ; trai gái lấy nhau phải nộp cheo cho làng; phải có thủ tục trâu, rượu trình Hội đồng kì mục/ Hội đồng tộc biểu.

Nghi tục truyền thống của người Việt về cưới xin có 6 lễ (hay 6 bước) nhưng hương ước các làng Công giáo quy định rút gọn còn 3. Đó là: lễ vấn danh hay thường gọi là lễ dạm vợ; lễ ăn hỏi; lễ cưới<sup>(7)</sup>.

Về lễ ăn hỏi, hương ước làng Nam Am (Hải Phòng) và làng Đức Trai (Hải Dương) đều ghi: Hôm này thì nhà giai cho chú rể cùng bà con mang sính lễ sang nhà gái. Hôm đó chú rể đi lễ nhà thờ cùng là ra mắt họ hàng nhà vợ. Hai bên thông gia định ngày cưới và thách cưới. Lễ vật thì tùy theo từng nhà giàu nghèo...

Về cấm kỵ, xin nêu một vài ví dụ. Hương ước làng Nam Am (Hải Phòng) điều thứ 67: Người nào có con gái chửa hoang thì phải phạt 3 quan. Bố mẹ người đàn ông thông gian cũng phải phạt như vậy. Tên thông gian lại có thể bị truất ngôi thứ đình trung trong 2 năm. Lại dân toàn tông theo luật tôn giáo không được phép lấy vợ lẽ. Ai vi phạm đến cũng như tội thông dâm, nếu có con thì đứa con ấy cũng như con ngoại tình. Con ngoại tình, con vợ lẽ là con giai khi đến tuổi nhập bả phải nộp phạt cho làng 5 quan.

Hương ước làng Đức Trai (Hải Dương), điều thứ 66 viết: Trong làng ai thông dâm, đàn ông hoặc đàn bà thì phải phạt 3 quan. Mà lại còn phải truy tố không kể.

Điều 67 ghi: Người nào có con gái chửa hoang thì phải phạt 3 quan. Bố mẹ người đàn ông thông gian cũng phải phạt như vậy. Tên thông gian lại có thể bị truất ngôi thứ đình trung trong 2 năm.

Từ sau Công đồng Vatican II (1963 – 1965) với đường lối canh tân và thích nghi, đặc biệt từ sau Thư chung 1980 theo đường hướng “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào” mà Đại hội đồng Giám mục Việt Nam lần thứ nhất đề ra, Công giáo ở Việt Nam ngày càng hội nhập mạnh mẽ với văn hoá dân tộc. Và tất nhiên vấn đề hôn nhân của người Công giáo Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Việc người Công giáo kết hôn với người khác đạo được giải quyết một cách cởi mở hơn. Giáo hội cho phép giáo dân của mình được phép kết hôn với người ngoại đạo và có theo đạo hay không là quyền của người đó.

Như vậy ta có thể thấy rằng điều kiện và tiêu chuẩn để kết hôn của người Công giáo từ lâu đã mang nhiều tính chất tiến bộ và nhân văn sâu sắc. Họ đặc biệt đề cao hôn nhân một vợ một chồng, đề cao trách nhiệm nuôi dạy con cái của cha mẹ. Hôn nhân phải thực sự được xây dựng trên cơ sở của tình yêu thương nam nữ, không được gượng ép bởi bất kì người nào và bất kì hình thức nào. Việc chuẩn bị cho hôn nhân cũng là một quá trình dài với nhiều nghi lễ chặt chẽ, nhằm đảm bảo cho cuộc hôn nhân thật sự bền chặt và hạnh phúc.

Bên cạnh đó cũng có một số điểm hạn chế như quy định tuổi hôn nhân quá thấp

7. Có thể xem hương ước làng Nam Am (Hải Phòng), lập tháng Giêng 1936; Hương ước làng Đức Trai (Hải Dương) kí hiệu Hu 962, lập tháng Giêng 1936.

so với quy định của pháp luật. Hôn nhân bất khả li dị cũng là một trong những vấn đề đặt ra tuy có nhiều mặt tích cực, song đây cũng có thể lại là bi kịch đối với những gia đình, những cặp vợ chồng không thể đem lại hạnh phúc cho nhau.

### 3. Một vài biến đổi về hôn nhân Công giáo

Hôn nhân Công giáo là một bí tích. Bí tích này được thực hiện nhất quán theo Giáo luật và theo nghi lễ Rôma. Một Thánh lễ hôn phối được tổ chức ở nhà thờ. Nghi thức của Thánh lễ dù ở bất cứ nước nào, nền văn hoá nào về cơ bản cũng như nhau. Tuy nhiên từ sau Công đồng Vatican II, một số tiêu chuẩn và điều kiện tiến hành hôn nhân của người Việt Công giáo ở Việt Nam có một vài thay đổi.

Cô dâu, chú rể được thắp hương bái lạy tổ tiên. Nghi thức này được tiến hành như nghi thức truyền thống của người Việt. Bàn thờ tổ tiên được trang hoàng đèn, nến, hoa, đăng, oản quả. Trước khi đi rước dâu, cô dâu, chú rể cùng thắp hương bái lạy tổ tiên. Khi đón dâu về nhà chú rể, họ cũng sẽ làm như ở nhà cô dâu.

Trong Thánh lễ cưới, người không theo Công giáo cũng được đến nhà thờ tham dự để chia vui với cô dâu chú rể.

Linh mục chính xứ chỉ thực hiện lễ hôn phối ở nhà thờ khi cô dâu, chú rể đã được chính quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. ở một số nơi nhất là ở thành phố, thị xã chính quyền phường, xã tổ chức trao giấy kết hôn như một buổi lễ thành hôn dưới sự chủ trì của chính quyền. Cô dâu, chú rể ở những nơi này buộc phải thực hiện theo. Về pháp lí, họ đã nên vợ, nên chồng, đã “là của nhau”. Song với người Công giáo chỉ khi Thánh lễ hôn

phối thành sự, sau khi trao và nhận lời yêu cho nhau trước mặt Thiên Chúa, họ mới nên vợ nên chồng.

Sau Thánh lễ cưới ở nhà thờ (nghi thức đạo) gia đình dâu rể tổ chức lễ cưới theo nghi thức đời. Nghi thức này không khác gì nghi thức của người Việt không theo Công giáo.

Trước Công đồng Vatican II Công giáo Việt Nam không chấp nhận việc cô dâu có quan hệ tình dục trước hôn nhân. Tuy nhiên, ngày nay một mặt Giáo hội vẫn cấm ngặt, mặt khác nếu sự việc đã xảy ra thì gia đình cô dâu phải thưa chuyện với cha xứ. Cô dâu phải xưng tội với cha xứ và chịu hình phạt tinh thần, ví dụ phải sám hối, đọc bao nhiêu kinh, v.v... Thánh lễ cưới vẫn được diễn ra trong nhà thờ. Cá biệt có trường hợp linh mục xứ đồng ý cho kết hôn nhưng đôi tân hôn chỉ được thực hiện theo “phép chuẩn” nghĩa là sau Thánh lễ, linh mục sẽ rao tên đôi hôn phối trên nhà thờ. Sau đó đôi tân hôn cùng kí vào sổ hôn phối trước Thiên Chúa dưới sự chứng giám của linh mục và người làm chứng.

Đối với đôi tân hôn mà một người trong số họ không phải là người theo Công giáo, không đồng ý theo Công giáo, lễ cưới của họ ở nhà thờ được thực hiện theo “phép chuẩn” đã đề cập ở trên. Sau lễ cưới, đạo ai nấy giữ.

Nếu người không theo Công giáo đồng ý gia nhập đạo Công giáo để được thực hiện Thánh lễ hôn phối, họ phải học đạo, chịu phép rửa tội, phép thêm sức, phép xưng tội, bí tích Mình Thánh Chúa, học giáo lí hôn nhân theo các điều kiện đã nêu ở trên. Đó là những điều kiện cần thiết để linh mục chấp nhận thực hiện Thánh lễ hôn phối. Thông thường người

phụ nữ gia nhập đạo Công giáo để được thực hiện Thánh lễ hôn phối để được linh mục chấp nhận hơn là nam giới. Vì người phụ nữ về nhà chồng sống trong môi trường gia đình, bà con theo Công giáo sẽ có điều kiện giữ đạo hơn.

Có một hiện tượng vào thập kỉ 90 của thế kỉ XX, ở một số xứ đạo nhất là ở thành phố, thị xã có những ông bà già hoặc vợ chồng trung niên đến nhà thờ xin được làm phép cưới. Số là trước đây trong số họ có một người không phải là tín đồ Công giáo nên không được làm phép hôn phối. Do họ không được làm phép hôn phối nên con, cháu có thể cả chất của họ cũng không được chịu bí tích rửa tội, kéo theo đó là các bí tích khác, trong đó có bí tích hôn phối. Nay trước sự canh tân, thích nghi của Công đồng Vatican II, sự đổi mới của Đảng ta về tôn giáo, những người trước đây không phải là tín đồ Công giáo, nay xin học đạo để làm lễ cưới ở nhà thờ để con cháu, chất họ được lãnh nhận các bí tích trong đó có bí tích hôn phối.

Ngày nay do đổi mới của Công đồng Vatican II, người Công giáo được phép thờ kính tổ tiên nên gia đình ai đó có con trai gia nhập đạo Công giáo không lo con cái sau này không thờ kính mình. Bởi vì trước đây họ vẫn e ngại:

*Lấy người Công giáo làm chi?*

*Chết thì ai cúng? Giỗ thì ai lo?*

*Lấy ai chăm sóc mả mồ?*

*Lấy ai lo lắng bàn thờ tổ tiên?*

Nay thì:

*Lấy người Công giáo chẳng phiền*

*Hàng năm kính nhớ Tổ tiên trọn bề*

*Mông hai, mười một hội hè*

*Lại thêm suốt tháng ai chê được nào?*

*Mông hai âm lịch quên sao?*

*Tổ tiên, cha mẹ, anh hào kính luôn*

*Nêu cao “uống nước nhớ nguồn”*

*Gia đình giỗ kỵ luôn luôn hàng đầu<sup>(8)</sup>.*

Vậy là hôn nhân Công giáo được quy định bởi quan niệm Kitô giáo, bởi Giáo luật, nhưng cùng với thời gian vẫn có những thay đổi cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh mới. Khi truyền bá vào Việt Nam, chịu ảnh hưởng của văn hoá Việt Nam, tiêu chuẩn và điều kiện hôn nhân của người Việt theo Công giáo cũng có ít nhiều thay đổi. Sự thay đổi ấy một mặt vẫn bảo đảm tính hôn phối “bất khả phân li”, mặt khác có những nội dung được nói rộng để đảm bảo quyền hạnh phúc lứa đôi trong thời đại mới./.

8. Truy cập tại: <http://www.Catholicc.org.tw>